

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Hà Nội, tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lý Tân Huệ	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 02/4/2014)
Ông Cái Hồng Thu	Chủ tịch (bỏ nhiệm từ ngày 02/4/2014)
Bà Nguyễn Thị Thúy Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên
Ông Trịnh Quang Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thúy Mai	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Phó Giám đốc
Ông Mai Thống Nhất	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 23/5/2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính, đồng thời tuân thủ các quy định về việc công bố thông tin theo Quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thị Thúy Mai
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2014



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, tòa nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: +84 (4) 62 782 904

Fax: +84 (4) 62 782 905

www.anphugroup.com.vn

Số: 151/2014/AP-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 4 đến trang 25 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính giữa niên độ). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng tại ngày 30/06/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và Báo cáo soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 đã được kiểm toán và soát xét bởi một Công ty Kiểm toán khác. Trên báo cáo kiểm toán số 159/BCKT-TC/NV7 ngày 6/3/2014 và Báo cáo soát xét số 2165/BCSX/NV7 ngày 12/8/2013, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ.



Vũ Bình Minh
Giám đốc
GCNĐKHN kiểm toán số 0034-2013-148-1

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
GCNĐKHN kiểm toán số 1396-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ
Thành viên độc lập của GMN International

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.002.314.209.449	823.925.181.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	135.694.972.171	183.365.332.465
1. Tiền	111		135.694.972.171	183.365.332.465
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		680.816.907.392	443.387.068.460
1. Phải thu của khách hàng	131		679.643.188.331	442.373.896.828
2. Trả trước cho người bán	132		410.479.456	343.949.538
5. Các khoản phải thu khác	135	5	763.239.605	669.222.094
IV. Hàng tồn kho	140	6	168.861.905.150	183.142.169.795
1. Hàng tồn kho	141		168.861.905.150	183.142.169.795
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.940.424.736	14.030.611.156
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.685.875.746	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.956.007.719	13.285.372.250
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.298.541.271	745.238.906
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205.591.229.075	137.096.780.949
II. Tài sản cố định	220		197.081.253.488	127.278.509.387
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	67.830.009.519	109.716.045.744
- Nguyên giá	222		426.043.051.329	426.043.051.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(358.213.041.810)	(316.327.005.585)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		145.593.360	145.593.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(145.593.360)	(145.593.360)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	129.251.243.969	17.562.463.643
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.509.975.587	9.818.271.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	8.509.975.587	9.818.271.562
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.207.905.438.524	961.021.962.825

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		824.503.545.065	573.447.602.415
I. Nợ ngắn hạn	310		745.372.667.455	461.012.967.305
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	172.000.000.000	84.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		431.899.604.412	317.144.230.176
3. Người mua trả tiền trước	313		1.368.005.612	8.625.922.828
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	2.202.242.382	2.444.651.674
5. Phải trả người lao động	315		7.892.282.849	8.094.445.705
6. Chi phí phải trả	316	12	113.560.547.356	26.158.810.837
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	8.286.918.708	5.853.108.980
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		8.163.066.136	8.691.797.105
II. Nợ dài hạn	330		79.130.877.610	112.434.635.110
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	79.130.877.610	112.434.635.110
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		383.401.893.459	387.574.360.410
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	383.401.893.459	387.574.360.410
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		156.000.000.000	156.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.662.547.973	128.662.547.973
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		60.612.810.013	57.858.153.319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.192.783.209	13.714.564.311
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8.185.600.936	6.946.491.488
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.748.151.328	24.392.603.319
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.207.905.438.524	961.021.962.825

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
2. Nợ khó đòi đã xử lý		931.164.865	931.164.865
3. Ngoại tệ các loại USD		1.957.624	1.848.082

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2014

Người lập

Trinh Thị Hồng

Phụ trách phòng Kế toán – Tài chính - Thống kê

Phùng Thanh Hồng



Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	1.621.577.436.412	1.800.030.123.626
2. Các khoản giảm trừ	02	16	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	1.621.577.436.412	1.800.030.123.626
4. Giá vốn hàng bán	11	17	1.444.782.496.437	1.614.085.267.729
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		176.794.939.975	185.944.855.897
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.096.213.865	3.877.673.648
7. Chi phí tài chính	22	19	16.011.222.538	17.050.607.240
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.006.052.988	16.473.878.278
8. Chi phí bán hàng	24	20	132.954.115.663	143.302.402.904
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	13.561.244.707	14.513.147.540
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.364.570.932	14.956.371.861
11. Thu nhập khác	31	23	2.135.138.837	3.187.621.979
12. Chi phí khác	32	24	333.463.596	125.598.168
13. Lợi nhuận khác	40		1.801.675.241	3.062.023.811
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.166.246.173	18.018.395.672
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.028.509.184	4.504.598.918
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		14.137.736.989	13.513.796.754
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		906	866

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2014

Người lập

Trịnh Thị Hồng

Phụ trách phòng Kế toán – Tài chính - Thống kê

Phùng Thanh Hồng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.166.246.173	18.018.395.672
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	41.886.036.225	52.049.981.306
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04	(374.759.699)	513.337.500
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	-	(3.339.596.591)
- Chi phí lãi vay	06	16.006.052.988	16.473.878.278
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	75.683.575.687	83.715.996.165
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(235.633.523.829)	(108.858.884.436)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.280.264.645	(44.332.480.700)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	107.860.631.899	59.575.617.481
- Tăng, giảm Chi phí trả trước	12	(3.377.579.771)	(10.112.068.027)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.315.304.257)	(15.618.221.668)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.973.287.651)	(5.270.438.857)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.238.934.909)	(3.492.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(64.714.158.186)	(44.392.480.042)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(24.847.383.297)	(1.794.901.267)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	78.181.818
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	3.261.414.773
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.847.383.297)	1.544.695.324
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	790.000.000.000	635.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(735.303.757.500)	(554.803.368.074)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.161.837.200)	(12.618.597.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41.534.405.300	67.578.034.226
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(48.027.136.183)	24.730.249.508
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	183.365.332.465	273.767.716.238
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	356.775.889	119.862.475
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	135.694.972.171	298.617.828.221

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2014

Người lập

Trịnh Thị Hồng

Phụ trách phòng Kế toán – Tài chính - Thống kê

Phùng Thanh Hồng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Nhà nước (cổ phần hóa) theo Quyết định số 280/QĐ-BXD ngày 22/2/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2006 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 số 0100106352 ngày 22/04/2014.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 22/04/2014, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng là 156 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VTV.

Trụ sở chính của Công ty tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Công ty có các chi nhánh phụ thuộc như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Thạch	Xã Minh Tân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương
2	Chi nhánh Công ty tại Quảng Ninh	Tổ 5 K12, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
3	Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Số 20 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
4	Văn phòng đại diện tại Phú Thọ	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
5	Chi nhánh Công ty tại Bim Sơn	Số 6 đường Nguyễn Huệ, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
6	Chi nhánh Công ty tại Hà Nam	Thôn La Mát, xã Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
7	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Mai	Thôn Tân Sơn, xã Quỳnh Thiện, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
8	Chi nhánh Công ty tại Ninh Bình	Số 2, Đường Hoàng Diệu, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
9	Đoàn vận tải	Số 24, tổ 47 thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, biển dương;
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại khác không chứa sắt (quặng bôxít, silic), khoáng sản khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, kim loại, quặng kim loại, vật liệu và thiết bị khác trong xây dựng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh, đồ ngũ kim, sơn kính và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

